

Số: 93 /2026 /QĐST-HNGĐ

L, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2026 /TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Trần Quang B, sinh năm 1990,

Địa chỉ: Tổ 14, phường Tân P, tỉnh L.

- Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 14, phường Tân P, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B là vợ chồng hợp pháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72 ngày 07/11/2016 tại UBND phường Tân P, thành phố L, tỉnh L (nay là UBND phường Tân P, tỉnh L). Đến nay, chị L1 và anh B thực sự tự nguyện ly hôn và đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được Tòa án chấp nhận.

[2] Chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B

- **Về việc nuôi con chung:** Chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B có 01 con chung tên là Trần Khánh An, sinh ngày 21/9/2017. Chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B thỏa thuận như sau:

Chị Phạm Thị L1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Trần Khánh A, sinh ngày 21/9/2017 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L1 và anh B tự thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi các con chung đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động

Anh Trần Quang B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L1 thực hiện quyền này.

- **Về chia tài sản (về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung):** Chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí:** Chị Phạm Thị L1 và anh Trần Quang B thỏa thuận anh B là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng. Xác nhận anh Trần Quang B nộp đủ số tiền lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai số 0000103 ngày 06/3/2026 tại phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- UBND phường Tân P, tỉnh L ;
- TAND tỉnh L;
- VKSND khu vực 1 - L;
- Thi hành án dân sự tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Tòng Thị Tuyết